TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **261**/2025/HS-ST
Ngày: 08 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh;

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Huế – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Mai Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 229/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 249/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 463/2025/HSST-QĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, đối với bị cáo:

Bị cáo **Đặng Thị C**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1991, tại tỉnh Yên Bái; Nơi thường trú: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái; Nơi ở: Tổ C, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Họ tên cha: Đặng Văn T sinh năm 1971 (còn sống); Họ tên mẹ: Đặng Thị H, sinh năm 1970 (còn sống); Gia đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Họ tên chồng: Triệu Văn N, sinh năm 1988, bị cáo có 04 con sinh năm 2009, 2011, 2013 và 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 13 tháng 12 năm 2024, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trai tạm giam Công an tỉnh Đ. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Người bào chữa:* Bà **Hoàng Minh T1** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị **Đỗ Thị N1**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt tại phiên tòa)

2/ Chị **Triệu Thị M**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3/Anh **Trần Hải Đ**, sinh năm: 2000.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt tại phiên tòa)

4/ Anh **Nguyễn Cao A**, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt tại phiên tòa)

5/ Anh **Đỗ Khắc T2**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt tại phiên tòa)

6/ Anh **Bùi Thế Ư**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Đặng Thị C và Đỗ Thị N1 (sinh năm 1981, thường trú tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định) là gái bán dâm.

Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 12 tháng 12 năm 2024, thông qua trang wed "Gaigu32.tv", Nguyễn Cao A (sinh năm 1999, ngụ tại tổ D, ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai) liên hệ với C để mua dâm. Căn đi đến phòng số 8 của nhà nghỉ

“C" địa chỉ tổ B, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để bán dâm cho Cao Anh . Khi đến nhà nghỉ “Châu Hoàng M1” thì C gặp Đỗ Khắc T2 (sinh năm 1990, thường trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) đang đứng trước cổng nhà nghỉ. T2 hỏi C có bán dâm không thì C nói C đã có khách, C sẽ giới thiệu người khác bán dâm cho T2 với giá 500.000đ/lượt, T2 đồng ý. Sau đó, C gọi cho N1 nói N1 đi bán dâm cho T2 với giá 500.000đ/lượt, N1 đồng ý. Căn và N1 thỏa thuận: Ngoan hưởng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) còn C hưởng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Căn báo cho N1 biết T2 thuê phòng số 10 nhà nghỉ “C”. Sau khi làm trung gian, dẫn dắt môi giới mua bán dâm giữa T2 và N1 xong, C lên phòng số 8 bán dâm cho Cao Anh .

Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 13 tháng 12 năm 2024, khi Đặng Thị C đang quan hệ tình dục với Nguyễn Cao A tại phòng số 8, còn Đỗ Thị N1 đang quan hệ tình dục với Đỗ Khắc T2 tại phòng số 10 của nhà nghỉ "" thì bị Cơ quan Công an phường T, thành phố B kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng của vụ án:

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A91 màu xanh của Đặng Thị C sử dụng vào việc phạm tội.

+ 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) là tiền Đặng Thị C bán dâm và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của Đỗ Thị N1 là tiền N1 bán dâm.

+ 01 căn cước công dân số 015191007515, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả cho Đặng Thị C.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J4, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả cho Đỗ Thị N1.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 251/CT-VKSBH ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Đặng Thị C về tội: “Môi giới mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đặng Thị C mức án từ 06 (sáu) tháng đến 10 (mười) tháng tù, trừ đi thời gian giam giữ theo quy định;

3. Ý kiến của người tham gia tố tụng:

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Người bào chữa trình bày: Thống nhất với tội danh, hành vi, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ như Cáo Trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. Tuy nhiên, cần xem xét thêm về hoàn cảnh của bị cáo là người dân tộc Dao, bị cáo đã ly thân với chồng và một mình nuôi 04 đứa con, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo sống tại khu vực đặc biệt khó khăn, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Đồng thời, hành vi phạm tội không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức hay có tính chất chuyên nghiệp. Mức hình phạt đối với bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là từ 06 (sáu) tháng đến 10 (mười) tháng là phù hợp nhưng vẫn còn nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự để xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo sớm trở về gia đình chăm sóc và nuôi dưỡng 04 con nhỏ và mẹ già.

4. Lời nói sau cùng:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố đã cung cấp đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Những chứng cứ xác định có tội*:* Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản lấy lời khai người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ 40 phút 12 tháng 12 năm 2024, tại nhà nghỉ "C" thuộc tổ B, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Đặng Thị C có hành vi 01 lần làm trung gian, giới thiệu để Đỗ Thị N1 bán dâm cho Đỗ Khắc T2 với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/lần.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 13 tháng 12 năm 2024, khi Đặng Thị C đang bán dâm cho Nguyễn Cao A; Đỗ Thị N1 đang bán dân cho Đỗ Khắc T2 thì bị Công an phường T, thành phố B kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

- Về tội danh: Từ các căn cứ trên, xác định bị cáo Đặng Thị C phạm tội "Môi giới mại dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản cáo trạng số 251/CT-VKSBH ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội "Môi giới mại dâm" theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự xã hội, gây tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh, hủy hoại nhân cách con người, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, làm lây truyền nhiều bệnh xã hội nguy hiểm. Bị cáo nhận thức rõ được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện là phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo và trước khi bị bắt thì bị cáo đang nuôi 04 con nhỏ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ

quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Đặng Thị C để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về vật chứng:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO A91 màu xanh và số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của Đặng Thị C; 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của Đỗ Thị N1 do liên quan đến việc phạm tội.

[4] Về các vấn đề khác:

- Đối với Bùi Thế Ư là chủ nhà nghỉ "C" không biết Đặng Thị C và Đỗ Thị N1 bán dâm tại nhà nghỉ nên không xử lý.

- Đối với Trần Hải Đ được Bùi Thế Ư thuê làm nhân viên dọn dẹp và phụ Ước thu tiền phòng của khách khi Ư vắng mặt. Việc C và N1 bán dâm tại nhà nghỉ Đ không biết, Đ không biết mặt gái bán dâm, không thỏa thuận gì với gái bán dâm. Kết quả điều tra không đủ cơ sở chứng minh Đ đồng ý chứa chấp gái bán dâm tại nhà nghỉ nên không xử lý.

- Đối với Triệu Thị M khai được Bùi Thế Ư cho ở nhờ trong nhà nghỉ để đi lại chữa bệnh, Mong không quản lý nhà nghỉ, không biết gái bán dâm đến nhà nghỉ B, lời khai của M phù hợp với lời khai của Ư, Trần Hải Đ và Đặng Thị C. Kết quả điều tra, không đủ cơ sở xác định Mong thỏa thuận đồng ý chứa chấp gái bán dâm tại nhà nghỉ. Do đó, chưa đủ căn cứ xác định M thực hiện hành vi "Chứa mại dâm" nên không xử lý.

- Đối với Nguyễn Cao A và Đỗ Khắc T2 có hành vi mua dâm, Đỗ Thị N1 có hành vi bán dâm, Công an thành phố B đã xử phạt hành chính.

- Đối với đối tượng (Chưa rõ lai lịch) sử dụng trang mạng "Gaigu32.tv" để môi giới bán dâm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[5] Về án phí:

Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và đề nghị mức hình phạt là phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của người bào chữa phù hợp một phần với quan điểm Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

- Đối với phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị C phạm tội: "Môi giới mại dâm".

Xử phạt bị cáo Đặng Thị C mức án 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 12 năm 2024.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO A91 màu xanh và số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của Đặng Thị C; 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của Đỗ Thị N1 (Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Biên lai thu tiền số 0002819 ngày 11 tháng 4 năm 2025)

3. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Đặng Thị C phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo Đặng Thị C được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng

cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và các điều 7, 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Cơ quan THAHS TP.Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Bảo